

NHẬN THỨC LẠI VỀ CÁC KHÁI NIỆM “TÍN NGƯỠNG” VÀ “TÔN GIÁO” TỪ GÓC ĐỘ NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

Tóm tắt: *Xác định rõ khái niệm là công việc hết sức quan trọng trong nghiên cứu khoa học ở bất kì lĩnh vực nào. Nhiều năm trở lại đây, ở Việt Nam, hai khái niệm “Tôn giáo”, “Tín ngưỡng” và một số khái niệm khác có liên quan thường được hiểu theo nhãn quan và phương pháp luận Phương Tây. Điều này đã gây ra không ít hiểu lầm về di sản văn hóa dân tộc, trong đó có di sản tín ngưỡng tôn giáo truyền thống ở Việt Nam. Bài viết này sẽ góp phần nhận thức lại một số khái niệm cơ bản liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo từ góc độ nghiên cứu tôn giáo.*

Từ khóa: *tôn giáo, niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng, tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian.*

1. Về các khái niệm “Tín ngưỡng” và “Tôn giáo”

Không phải đến bây giờ mới có dịp bàn đến chuyện tín ngưỡng tôn giáo bản địa, vốn vẫn được quen gọi là “Tín ngưỡng dân gian”, một tên gọi, theo chúng tôi, không thể tin cậy khi đề cập đến truyền thống tâm linh và hiện trạng thờ cúng như một bộ phận cấu thành văn hóa ở Việt Nam. Đã từ lâu thịnh hành một lối suy nghĩ và nghiên cứu theo nhãn quan và phương pháp luận Phương Tây về tín ngưỡng tôn giáo bản địa Phương Đông và Việt Nam. Một cản trở lớn là việc hiểu thế nào cho đúng với truyền thống và thực tiễn của các nước Phương Đông, các nước bị gọi là “lạc hậu” trong thế kỉ XX vừa qua, và có phải các tiêu chuẩn mà các nước Phương Tây được xem là “tiên bộ” hơn, có thể áp đặt vào các nước Phương Đông? Liệu việc tách bạch hai truyền thống Phương Đông và Phương Tây có nhất thiết là một giải pháp hay cho việc luận bàn trực tiếp và giải tỏa các hiểu lầm giữa hai thế giới đó hay là làm trầm trọng thêm vấn đề? Dù sao, rất rõ ràng là khi áp dụng các khái niệm Phương Tây vào thực tế Việt Nam nói riêng và các nước Phương Đông nói chung⁽¹⁾, đã gây ra không ít hiểu lầm quá khứ của các dân tộc, thậm chí chê bai và mai mĩa di sản của người xưa.

Một trong những cách hiểu lầm đó chính là hạ cấp các tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của bản địa, hoặc khi nó tìm cách “sống sót” thì lại bị cái nhìn khắt khe chi phối, để rồi dẫn đến áp lực loại bỏ bất chấp sự tồn tại thực của chúng. Nhưng bức tranh không hoàn toàn xám xịt như thế. Trong năm 2007, một quyết định quan trọng của Quốc hội và Nhà nước Việt Nam là công nhận ngày 10 tháng 3 âm lịch hằng năm, ngày giỗ các vua Hùng,

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

trở thành ngày đại lễ của quốc gia, vốn đã nhiều chục năm bị coi là một lễ hội có tính cách địa phương (Phú Thọ và người tham dự thuộc các tỉnh thành khác một cách tự phát) và thả nổi. Sự kiện đó xuất phát từ truyền thống và di sản văn hóa quốc gia và dân tộc, khiến mọi người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước vui mừng khi thấy Nhà nước đã có một sự trở lại với những biểu tượng linh thiêng của dân tộc và quốc gia như phải có.

Vì vậy, một sự xem xét lại các phương diện của tín ngưỡng tôn giáo bản địa sẽ là không thừa để có thể hiểu thêm đời sống tâm linh của dân tộc và có thái độ đúng mực khi hành xử quyền quản trị xã hội của Việt Nam trong thời kỳ mới. Chính vì thế, tôi nghĩ rằng, cần có sự minh định các khái niệm trực tiếp và gián tiếp liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo.

2. Về khái niệm “Niềm tin tôn giáo” (Religious belief, Croyance religieuse) hay quen gọi là “Tín ngưỡng tôn giáo”, hoặc “Tín ngưỡng”

Trong tiếng Anh, tiếng Pháp và ngôn ngữ Phương Tây, đôi khi người ta sử dụng các thuật ngữ “Belief”, “Croyance” trong nghĩa trực tiếp là “Niềm tin”, tương tự và đồng nghĩa với thuật ngữ “Tôn giáo”. Song trong bài này, tôi muốn minh định rõ hơn bằng tổ hợp từ “Niềm tin tôn giáo” để bàn đến vấn đề. Làm như thế tất nhiên sẽ đụng đến việc sử dụng thuật ngữ đã thành thói quen và trong trường hợp này, ở nước ta, người ta đã quen dịch là “Tín ngưỡng”. Trong nguyên ngữ Hán, “Tín ngưỡng” là hai từ trong một thể nội dung bao gồm “Tin tưởng” và “Ngưỡng mộ”⁽²⁾. Nhưng chúng ta cũng có thể biện luận rằng, tin tưởng và ngưỡng mộ có ở bất cứ tình huống nào trong tâm lí con người như ngưỡng mộ một cầu thủ, một ca sĩ, hay tin tưởng vào đồng tiền thì mới dùng nó làm vật trao đổi ngang giá. Do đó, để tránh lối hiểu có phần lẫn lộn giữa thuật ngữ nghiên cứu tôn giáo và ngôn ngữ hằng ngày (gồm cả ngôn ngữ báo chí), tôi muốn đi vào thuật ngữ “Niềm tin tôn giáo” trước khi bàn luận thuật ngữ “Tín ngưỡng tôn giáo”, rồi “Tín ngưỡng tôn giáo bản địa”.

Để bớt lạc vào cánh rừng rậm của các cách định nghĩa khác nhau⁽³⁾, tôi sử dụng cách định nghĩa có tính chất phổ biến được *Wikipedia (Từ điển bách khoa thư điện tử)* đưa ra. Chúng tôi sử dụng bản Anh ngữ, mục *Niềm tin tôn giáo* để tiện cho việc phối kiểm và đối chiếu ngôn ngữ. Theo đó: “Niềm tin tôn giáo được quy vào cho đức tin hay tín điều liên quan đến cái siêu nhiên, cái Thiên, hay thần tính. Nó liên quan với sự tồn hữu, thuộc về bản chất và thờ phụng Thượng Đế hoặc các vị thần và thần tính gồm trong vũ trụ và cuộc sống nhân loại. Nó cũng còn liên hệ với các giá trị và thực hành đặt trên cơ sở các lời giáo huấn của vị lãnh tụ tâm linh. Không giống với các hệ thống tin tưởng khác, niềm tin tôn giáo có khuynh hướng được luật hóa. Trong nhiều trường hợp, khi được sử dụng đồng nghĩa với tôn giáo, điều khoản niềm tin tôn giáo sẽ được thừa nhận để quy vào các ý niệm hơn là thực hành”. (Chú ý đoạn cuối nhấn mạnh đến tính chất ý niệm hơn là thực hành của niềm tin tôn giáo).

Tiếp đó, nó lại tiếp tục nêu sự khác nhau giữa niềm tin tôn giáo và các hệ thống niềm tin khác như sau:

“Tôn giáo khi nào cũng bao gồm một hệ thống niềm tin, nhưng không phải tất cả các hệ thống niềm tin đều là tôn giáo. Thần học thường làm đảo lộn tôn giáo. Vì thế, thần học luôn luôn không phải là một hệ thống niềm tin. Thông linh tính, thuật ngữ giải quyết về nội dung của linh hồn, thường được xem là một bộ phận của tôn giáo, cũng có thể được tách ra khỏi tôn giáo. Thông linh tính có thể bao gồm cả các thực hành tôn giáo và phi tôn giáo.

Các tín đồ tôn giáo thường phân biệt niềm tin tôn giáo với mê tín dị đoan. Cả mê tín dị đoan và các tôn giáo cổ truyền đều phi duy vật, không nhìn thế giới tồn tại như chủ thể tuân theo các quy tắc nguyên nhân và kết quả, coi như đó là các lực lượng phi vật chất trong cuộc sống của chúng ta. Cả tôn giáo và mê tín dị đoan cố tìm ý nghĩa trong các sự kiện ngẫu nhiên và hỗn độn khác. Như thế, đây là một thể liên tục giữa cái làm thành “mê tín dị đoan” và các ý niệm có trong hồn linh giáo”. (Chú ý, trong đoạn này, tôi đã sử dụng thuật ngữ “Hồn linh giáo” để chuyển ngữ cụm từ “Animistic religions”. Thuật ngữ này trong nghĩa triết học trước đây được dịch là “Vạn vật hữu linh”, với danh từ là “Animism” trong tiếng Anh và “Animisme” trong tiếng Pháp. Danh từ này, theo nhiều đại từ điển Anh và Pháp, được hình thành trên cơ sở chữ Latinh là “Anima”, có nghĩa là linh hồn. Tôi đã chuyển ngữ danh từ này sang tiếng Việt thành “Hồn linh giáo” ngay từ năm 1997).

Tiếp sau nữa, nó có một sự đối chiếu tương quan giữa niềm tin tôn giáo và triết học:

“Triết học thi thoảng được gộp chung với tôn giáo từ lúc hai chủ thể này có các vấn đề giống nhau được trình ra. Cả tôn giáo và triết học cùng nhắm đến các vấn đề như sau: Tại sao chúng ta lại hiện hữu? Bản chất của thực tại là gì? Thiện tính là gì? Làm thế nào chúng ta có thể đối đãi với người khác? Trong cuộc sống điều gì là quan trọng nhất? Tôn giáo thường có các nghi thức đánh dấu các sự kiện quan trọng trong đời người và các thời gian trong năm. Ngược với triết học, tôn giáo có sự phân biệt giữa Thiên và Phàm. Các tôn giáo cũng thường có niềm tin vào “cái huyền diệu”. Triết học không có đặc tính này”. (Như vậy, chúng ta có thể nói rằng, triết học không thể thay thế cho tôn giáo trong tư duy của con người, mặc dù triết học, ở đây là trường hợp triết học Phương Tây, đã đạt đến độ chín muồi về phương pháp luận và nhận thức luận để áp đặt một nhãn quan duy lí về thế giới quan và nhân sinh quan).

Chúng ta thấy, các hình thái niềm tin tôn giáo được phân định thành:

- *Nhận ân sủng Thiên Chúa* (Pluralism): người có niềm tin ân sủng Thiên Chúa không tạo ra sự khác biệt hoàn toàn giữa hệ thống đức tin và nhãn kiến của từng cá nhân trong khuôn khổ của mỗi nền văn hóa. Đại diện cho người có niềm tin này là người Ấn Độ thời Cổ đại (thời kì Veda giáo), Do Thái giáo, Kitô giáo và Islam giáo. Họ tin rằng, họ nhận được nhiều thánh linh từ Thiên Chúa.

- *Hỗn hợp*: người có niềm tin hỗn hợp nhìn nhận các biến thể tôn giáo hoặc truyền thống niềm tin khác nhau thành một thể duy nhất thích hợp với kinh nghiệm và hoàn cảnh sống riêng. Thuyết cứ rỗi nhất thể là một thí dụ của đức tin hỗn hợp.

- *Cứu rỗi*: “Một số người tin rằng, tôn giáo không tách rời với các phương diện khác của đời sống, hoặc một vài nền văn hóa đã và đang không tách rời các hoạt động tôn giáo và các hoạt động khác trong một con đường như nhau như một số dân tộc thuộc nền văn hóa Phương Tây đang thực hiện. Một số nhà nhân học nghiên cứu văn hóa mà trong đó Thượng Đế được thu hút vào mọi phương diện của đời sống, nếu có sự dọa nạt lạnh lùng, Thượng Đế là nguyên nhân của nó, còn nếu là sự tốt lành, khi mỗi sáng Mặt Trời mọc, Thượng Đế cũng là nguyên nhân của sự tốt lành, và ta phải biết ơn về điều đó. Thậm chí, ngay cả trong văn hóa Phương Tây hiện đại, một số người tìm thấy các lực lượng siêu nhiên đằng sau các sự kiện... Người có một vũ trụ quan như thế thường nhận định rằng, sự chi phối của văn hóa Phương Tây là rất độc hại. Họ nghĩ rằng, ở Hoa Kỳ, một cách cụ thể, mọi người đến nhà thờ vào chủ nhật và lừa bịp hàng xóm của họ các ngày còn lại trong tuần. Một số người khác của vũ trụ quan kiểu này phản đối ảnh hưởng của khoa học, và tin rằng, khoa học hay “cái gọi là khoa học” sẽ được dẫn dắt bởi tôn giáo. Cũng người thuộc vũ trụ quan này tin rằng, các quyết định chính trị và luật pháp sẽ được hướng dẫn của tôn giáo. Loại niềm tin cuối cùng này được thể hiện trong hiến pháp của các quốc gia Islam giáo, và được chia sẻ bởi những người Kitô hữu thuộc phái Chính Thống giáo. Như George H. W. Bush (tức Bush Cha), ngày 27 tháng 8 năm 1987 nói: “Không, tôi không tin những người vô thần cần được xem là các công dân, và họ cũng không thể là những người yêu nước. Đây là một quốc gia nằm dưới Chúa Trời”.

- *Hệ thống hóa*: trong Phật giáo, sự tu tập và tiến bộ trên con đường tâm linh diễn ra khi một người tuân theo hệ thống tu tập của Đức Phật. Bất kỳ tôn giáo theo đuổi (một phần) nguyên tắc cơ bản của hệ thống này, tuân theo lời dạy của Đức Phật, thì các mặt tốt lành sẽ mở ra để phù hợp với hệ thống đó. Bất cứ tôn giáo nào đi ngược lại (một phần) nguyên tắc cơ bản của hệ thống này, sẽ gồm chứa cả các mặt xấu ác... Hệ thống tu tập đó là “Bát Chính Đạo”. Đức Phật nói: “... trong bất cứ lời thuyết nào mà không tìm thấy Bát Chính Đạo, đó không phải là người Sa Môn ở bậc thứ nhất, cũng không không phải là Sa Môn ở bậc thứ hai, chẳng phải Sa Môn ở bậc thứ ba, cũng chẳng phải Sa Môn ở bậc thứ tư (A La Hán)”.

Wikipedia còn đưa ra các nguyên nhân thuộc thời đại ngày nay về việc thủ đắc niềm tin tôn giáo như sau:

- + Kinh nghiệm và cảm xúc
- + Kết nối với siêu nhiên
- + Phân tích bằng lí trí
- + Mẫu mực hành động tốt nhất
- + Tiết độ
- + Uy quyền
- + Hợp nhất đạo lí

- + Uy nghi và truyền thống
- + Cộng đồng và văn hóa
- + Đáp ứng
- + Lợi ích tâm linh và tâm lí
- + Lợi ích thực tiễn

Tuy nhiên, không chỉ có các lí do đi theo niềm tin tôn giáo, mà còn có các lí do từ bỏ niềm tin tôn giáo trong thời đại mới:

- + Không còn thích hợp
- + Có lời thuyết giảng khác
- + Sự gia tăng của việc bị đánh đòn, bị sợ hãi và bị ô nhục
- + Các tín điều phi lí và khó tin
- + Nhiều giới hạn
- + Tự cảm
- + Gia tăng sự không biết
- + ,v.v...

Như vậy, qua một số kiến thức đã tóm gọn trên đây, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về khái niệm “Niềm tin tôn giáo”:

Thứ nhất, niềm tin tôn giáo có thể phân loại được về mặt lí thuyết, nhưng không có nghĩa sự phân loại đó dùng cho việc đánh giá niềm tin này là cao, còn niềm tin kia là thấp.

Thứ hai, niềm tin tôn giáo là tuyệt đối với người thủ đắc nó. Vì vậy, có thể có những nhận định lệch rằng, niềm tin của tôi là đúng, còn niềm tin khác là mê tín. Do vậy, có thể dẫn đến những kì thị niềm tin tôn giáo. Tuy nhiên, tính tuyệt đối của niềm tin tôn giáo sẽ không là vĩnh viễn, vì vẫn có những niềm tin thay thế một khi chủ thể niềm tin đã ở trong hoàn cảnh khác, nhất là trong điều kiện thời đại mới.

3. Về khái niệm “Tín ngưỡng dân gian”

Khái niệm “Tín ngưỡng dân gian” đã được lưu hành nhiều năm nay ở Việt Nam. Cần phải nói rằng, nó được chuyển ngữ từ “Croyance populaire”, hoặc “Croyance folklorique” trong tiếng Pháp và “Folk belief” hay “Popular belief” trong tiếng Anh. Trong quá trình nghiên cứu và suy ngẫm, tôi cho rằng, đã có một sự nhầm lẫn đáng tiếc trong việc giải thích nội dung của thuật ngữ này. Và điều này đã dẫn đến những ngộ nhận trong thực tế cuộc sống.

Bài viết này có thể chưa đưa ra được câu trả lời trọn vẹn, nhưng ít nhất tham vọng của tôi là làm sao xác định rõ nội dung khái niệm “Tín ngưỡng dân gian” theo những hiểu biết và nhận thức lại về nó hiện tại ở nước ta và trong khuôn khổ của người Việt.

Cho đến nay, cách hiểu về khái niệm này có thể quy thành hai loại chính lưu hành trong giới nghiên cứu khoa học và quản lý xã hội:

Thứ nhất, coi tín ngưỡng nói riêng, tín ngưỡng dân gian⁽⁴⁾ nói chung là cấp độ thấp hơn tôn giáo, tồn tại một cách độc lập với tôn giáo, và thường đi kèm với những định kiến xem nó như một thể không hoàn chỉnh, thường tự phát và theo chiều hướng có “hại” hơn là có “lợi” về mặt xã hội và cần phải được (hoặc) nghiêm cấm hoặc điều chỉnh chặt chẽ.

Thứ hai, coi tôn giáo không phân biệt với tín ngưỡng, không có tín ngưỡng tồn tại một cách độc lập, và do đó, nên gọi là tôn giáo tất thấy những biểu hiện tâm linh, sùng bái.

Cách hiểu thứ nhất, theo tôi, với những lí giải kèm theo, không bao quát nổi thực tại, mà thực tại đó là kết quả của một sự liên tục từ trong quá khứ cho đến hiện tại ở nước ta trong việc thờ cúng và sùng thượng ba hệ thống linh thiêng bao gồm: thờ cúng tổ tiên, thờ cúng siêu nhiên và thờ cúng phồn thực. Kết quả là, đã từ khá lâu, chúng ta đã loại bỏ đi tinh túy trong đời sống tâm linh của dân tộc, đẩy xuống hàng thứ yếu và thậm chí còn có ý nghĩ cực đoan là loại bỏ hẳn cái bị gọi là một số biểu hiện “mê tín dị đoan”, trong đó có cả sự thờ cúng tổ tiên, một di sản văn hóa vô giá của dân tộc Việt và các tộc người thiểu số ở nước ta. Hậu quả ra sao thì nay đã thấy khá rõ ở một số tộc người thiểu số miền núi phía Bắc, dãy Trường Sơn và cao nguyên Trung Bộ, khi để các tôn giáo ngoại mới du nhập.

Còn cách hiểu thứ hai cho thấy chịu nhiều ảnh hưởng của lí thuyết Phương Tây về khái niệm và chức năng của tôn giáo. Đáng chú ý là, lí thuyết mới của Phương Tây lại mở ra quá rộng, trùng lặp với cái mà người Phương Đông gọi là tâm linh, hay đơn giản hơn là các loại hình thờ cúng hình thành trong lịch sử các nước này. Chính tính biện thuyết chặt chẽ, duy lí của Phương Tây, cùng với sự thắng thế của kinh tế, chính trị, khoa học và công nghệ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa đã khiến cho ảnh hưởng của cách nhìn tôn giáo, tín ngưỡng tôn giáo và về thế giới tâm linh Phương Đông đã bị biến dạng. Kết quả là, người Phương Đông rất mệt mỏi khi chạy theo đuôi lí thuyết Phương Tây, ra sức giải thích để tương thích với nhãn quan đó.

Vậy phải chăng có cách hiểu thứ ba? Vâng, theo tôi, có cách hiểu thứ ba ngoài hai cách hiểu trên. Trong khả năng cho phép, tôi xin nêu ra đây suy nghĩ riêng để chúng ta cùng nhau xem xét và suy ngẫm.

Một cách vắn tắt, lí thuyết về tôn giáo học Phương Tây đã thịnh hành vào thế kỉ XIX, và có thể đến giữa thế kỉ XX trên hầu hết các nghiên cứu. Nó xuất phát từ cách mà các tôn giáo lớn và các nhà nước theo các tôn giáo ấy coi các tín tượng khác là dị đoan, tà đạo và mê tín. Đây cũng là cách hiểu của chủ nghĩa lấy Châu Âu làm trung tâm, hay nói cho chính xác hơn là lấy khuôn mẫu Công giáo làm trung tâm, dẫn đến sự phân biệt Đông - Tây, mà Phương Tây luôn luôn là một thực thể văn minh, và ngược lại, Phương Đông thể hiện cho một sự chậm tiến. Lỗi suy nghĩ chia cắt giả tạo như vậy đã từng bị bác bỏ bởi thuyết tương đối luận văn hóa (cũng của Phương Tây đề xuất), mà nội dung cốt lõi là không thể xem

văn hóa này hơn kém so với văn hóa khác, trên cơ sở chấp nhận một sự khác biệt, một sự đa dạng trong các biểu hiện văn hóa. Bởi vì, lịch sử nhân loại vừa diễn ra theo quá trình tiệm tiến, song cũng vừa diễn ra theo quá trình lũy tích và nhảy vọt, cơ may thành tựu văn minh không thể cùng lúc dành cho mọi miền địa lí, mọi dân tộc.

Sau Thế chiến thứ Hai, khi các quốc gia mới hình thành theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa và giải phóng dân tộc đã trở thành một thực thể chính trị - xã hội trong đời sống nhân loại, ý thức về sự khác biệt hệ thống xã hội buộc người ta phải xem lại những gì tưởng như đã trở thành vĩnh viễn. Nhu cầu đó đã khiến cho tri thức nhân loại phải xem lại toàn bộ các giá trị có trước, trong đó có tri thức về tôn giáo. Và, người ta đi đến chỗ thừa nhận, sự đa dạng văn hóa như một thực tế cần được bảo vệ, mọi giá trị văn hóa cần được lưu giữ mà không phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế. Ngược lại, văn hóa được coi là động lực cho phát triển kinh tế và xã hội, xem như đó mới là sự phát triển bền vững, các giá trị đồng thời có vai trò như nhau đối với từng nhóm người, tập đoàn người, cộng đồng người và cuối cùng là cho từng dân tộc và toàn thể nhân loại. Người ta cần sống trong bầu không khí của sự khoan hòa (Tolérance). Đây là một quan niệm tiên tiến, thành quả nhận thức của nhân loại ở cuối thế kỉ XX và thiên niên kỉ thứ hai. Riêng với tôn giáo, không thể xem tôn giáo này hơn tôn giáo kia. Bởi vì, tôn giáo cũng là một bộ phận, là một thành tố quan trọng của văn hóa, mà đã là văn hóa thì có giá trị như nhau, như trên đã nói.

Như vậy, khi chúng ta bàn đến khái niệm “Tín ngưỡng tôn giáo”, “Tôn giáo”, rồi “Tín ngưỡng dân gian”, nếu như chấp nhận cách đề xuất của Phương Tây rằng có khái niệm “Tôn giáo”, thì cần phải theo cách hiểu hiện đại, tức cách hiểu coi tôn giáo là văn hóa. Và do đó, không thể xem tôn giáo này hơn tôn giáo khác. Về mặt phương pháp luận, cần có sự khảo sát bản thân khái niệm tôn giáo có những thành phần nào, nó bao quát hiện thực đến phạm vi nào, nó có là biểu hiện của một trong những phương diện tinh thần quan trọng nhất nơi con người và là nhu cầu thường xuyên của con người hay không? Nếu có, ở mỗi dân tộc được biểu hiện thế nào và ở góc độ người quản lí xã hội, chúng ta cần đối xử với nó ra sao?

Nói đến khái niệm, người ta không thể lảng tránh một thực tế, cũng là một khó khăn, là sự định nghĩa nội dung của khái niệm. Có thể nói, thực tế đã có vô số các định nghĩa khác nhau về tôn giáo. Chúng tôi xét thấy không thể nêu lại tất cả, chỉ dẫn ra đây một số định nghĩa hay cách xác định tương đương với định nghĩa. Tựu trung lại, cho đến nay, có thể phân thành hai loại định nghĩa về tôn giáo: những định nghĩa theo lối “bản thể” và những định nghĩa theo lối “chức năng”. Sau đây là một số định nghĩa cho cả hai loại:

- E. Durkheim: “Một tôn giáo là một hệ thống cố kết các tín tưởng và các thực hành liên quan đến những thực thể thiêng, tức là những thực thể bị tách riêng, bị cấm đoán, các tín tưởng và thực hành này tạo thành một cộng đồng đạo đức ở tất cả những người tin theo, được gọi là Giáo hội”⁽⁵⁾.

- M. Weber: “Một loại hành động đặc biệt thành cộng đồng” liên quan đến “các sức mạnh “siêu nhiên”. Khuôn các mối quan hệ của nó với con người tạo thành lĩnh vực hoạt động “tôn giáo”⁽⁶⁾.

- T. Parsons: “Một tổng thể các tín tưởng, các thực hành và các thiết chế mà con người triển khai trong các xã hội khác nhau, trong chừng mực mà chúng có thể được hiểu như là những câu trả lời cho các khía cạnh của cuộc sống hay tình trạng của con người mà cuộc sống và tình trạng ấy được xem như không thể hiểu được hay không thể làm chủ được theo tinh thần của tính hợp lí kinh nghiệm - công cụ, và những tín tưởng, thực hành, thiết chế ấy gắn chặt với một đặc trưng bao gồm một số cách thức quy chiếu với một trật tự “siêu nhiên” được tưởng tượng và cảm nhận như là nền tảng về vị trí của con người trong vũ trụ và về các giá trị đưa lại ý nghĩa như mục đích của cá nhân và những mối liên hệ đồng dạng của nó”⁽⁷⁾.

- K. Dobbelaere: “Một hệ thống thống nhất các tín tưởng và thực hành liên quan đến một thực tế siêu kinh nghiệm, siêu việt, mà thống nhất tất cả những ai tin theo với mục đích tạo thành duy nhất một cộng đồng đạo đức”⁽⁸⁾.

- R. Campiche: “Toàn bộ tổng thể các tín tưởng và thực hành, ít hay nhiều có tổ chức, liên quan đến một thực tế siêu kinh nghiệm, siêu việt mà thỏa mãn trong một xã hội nào đó một hay nhiều chức năng sau: hội nhập, đồng nhất, giải thích kinh nghiệm tập thể, giải đáp cho tính chất cấu kết không chắc chắn của cuộc sống cá nhân và xã hội”⁽⁹⁾.

- M. Yinger: “Một tổng thể các tín tưởng và thực hành do một nhóm đưa ra để đối mặt với những vấn đề lớn (tối thượng) của cuộc sống con người. Đó chính là sự từ chối đầu hàng cái chết, từ chối tự nhận chịu thua mỗi thất vọng, từ chối cho phép các lực lượng thù địch phá nát các mối liên kết của con người”⁽¹⁰⁾.

- N. Bellah: “Một tổng thể các hình thức biểu trưng và hành động mà gắn con người với những điều kiện tối hậu của tồn tại...”⁽¹¹⁾.

Đây là những định nghĩa và cách xác định về tôn giáo của các nhà nghiên cứu Phương Tây. Cần phải nói rõ lại một điểm là không một dân tộc nào ở Phương Đông thời Cổ đại và Trung đại có một khái niệm “Tôn giáo” giống như Phương Tây thế kỉ XIX. Từ đó, có thể thấy, cái mà chúng ta gọi là “Tín ngưỡng dân gian” thực chất là đời sống tâm linh (Spirituelle) được tạo thành trong dòng chảy miên viễn của mỗi tộc người và sự ảnh hưởng qua lại giữa chúng với nhau. Nói cách khác, cái mà chúng ta gọi là “Tín ngưỡng dân gian” thực ra là “Tôn giáo”, nếu như muốn dùng khái niệm này, dù hiểu theo định nghĩa bản thể hay định nghĩa chức năng. Và đúng hơn cả, cần phải trả lại cho Phương Đông cái mà họ tự gọi là tâm linh, thờ phụng như là yếu tố văn hóa không thể thiếu để thay cho việc cứ phải chạy theo Phương Tây để luôn tự ti mà phán định chuyện của mình dưới nhãn quan Phương Tây và tự làm khổ mình.

Nếu chấp nhận dùng khái niệm tôn giáo, thì qua một số định nghĩa trên đây, chúng ta có thể rút ra một số ý cần lưu tâm: *Thứ nhất*, chúng không có sự phân biệt giữa khái niệm tôn giáo và tín ngưỡng, trái lại, các tín ngưỡng lại là một bộ phận cấu thành tôn giáo, tức không có sự tín tưởng và thực hành thì không thể có tôn giáo. *Thứ hai*, các tôn giáo chỉ có khi chúng tạo ra một cộng đồng đạo đức ở những người tin theo, tức là chúng tạo ra một sự liên kết ở con người, tạo ra sự cố kết cộng đồng. *Thứ ba*, con người có những phương diện tinh thần cho phép nảy sinh ý thức tôn giáo, thông qua hiện thực được mệnh danh là những thực thể thiêng, là hiện thực siêu kinh nghiệm, là cách mà con người giải quyết những vấn đề không thể hiểu được, cách con người thoát ra khỏi những điều kiện sống không thuận, cách mà con người giải quyết những vấn đề tối thượng như cái chết, sự đau khổ, sự bất hạnh. *Thứ tư*, tôn giáo là một thể của văn hóa, thông qua hệ thống biểu tượng mà nó đã xác lập tính chất văn hóa ấy.

Như vậy, “Tôn giáo”, trong trường hợp đang bàn ở đây được gọi là “Tín ngưỡng dân gian” tại Việt Nam, là một hiện tượng đa chức năng. Nhưng chúng ta cũng có thể đặt thêm một câu hỏi liên quan để làm cho rõ thêm: Vậy tôn giáo được cấu thành bởi những yếu tố nào? Kiến giải về cấu tạo tôn giáo của tôi dựa vào những thành tựu đã được kiểm nghiệm và so sánh trong khoảng hai mươi năm trở lại đây. Có thể tóm lược chúng vào trong một sơ đồ như sau:

Tôn giáo = Các thực thể thiêng, hiện thực siêu kinh nghiệm, siêu việt - Thần thoại - Tín tưởng (cũng gọi là Tín ngưỡng) - Thực hành (thờ cúng, cầu khẩn, lễ thức/nghi thức và lời khẩn) - Cộng đồng đạo đức (Giáo hội và không Giáo hội).

Cần minh định một điểm rằng, sơ đồ này không trùng khít với một số “Tín ngưỡng dân gian” ở nước ta và ngay với cả một tôn giáo lớn trên thế giới là Phật giáo. Đã có nhiều giấy mực để tranh biện về Phật giáo có phải là một tôn giáo hay không, và trong trường hợp chấp nhận nó là tôn giáo thì Phật giáo cũng khác với các tôn giáo thần khải.

Với tất cả suy nghĩ trên đây, tôi đề nghị không gọi là “Tín ngưỡng dân gian”, mà nên gọi là “Tín ngưỡng tôn giáo của đại chúng” trong trường hợp chấp nhận thuật ngữ “Tín ngưỡng” như một cách dùng quen thuộc trong các ngôn ngữ hành chính và ngôn ngữ giao tiếp. Còn nếu không thì gọi thẳng là “Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên”, “Tín ngưỡng phồn thực”, “Tín ngưỡng siêu nhiên”. Và do như một di sản văn hóa, nên chúng (đặc biệt là thờ cúng tổ tiên) sẽ có vị trí tương xứng nhất và là trụ cột trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Trở lại, nhìn vào sơ đồ trên đây, tôi nghĩ phải giải thích rõ hơn nữa vấn đề bằng trích đoạn sau đây về hiện tượng, vai trò và sự cấu thành của tín ngưỡng có tính chất tôn giáo trong xã hội:

“Trong tất cả các xã hội Cổ đại, tôn giáo đóng một vai trò quan trọng: chính nhờ các lí do tôn giáo mà những tác phẩm nghệ thuật đầu tiên đã được thực hiện, chính tôn giáo

giải thích cho tổ chức xã hội, đời sống gia đình, chính tôn giáo làm thành nhịp điệu cho hoạt động hằng ngày. Không thể tưởng tượng được rằng không thực hành một tôn giáo, và rất hiếm khi các tôn giáo khác nhau cùng tồn tại trong một quốc gia mà lại không gây ra chiến tranh và truy hại. Ngày nay, một số nhà nước đã chứng tỏ sự khoan hòa: nhiều tôn giáo có thể cùng tồn tại, mỗi người có thể thực hành tôn giáo theo sự lựa chọn của mình hay không thực hành tôn giáo nào. Nhưng cũng có những nước mà ở đó tất cả các đạo luật dựa trên một tôn giáo, và ở đó những ai có chính kiến và tín tưởng khác bị truy bức”.

Và: “Các tôn giáo được cấu thành bởi một tổng thể các tín tưởng: những người theo Hồn linh giáo nghĩ rằng tự nhiên có được sinh khí là bởi các tinh linh nhiều vô kể và không nhìn thấy được; những người tin theo đa thần giáo tin có rất nhiều thần; những người nhất thần giáo chỉ tin một vị thần. Cố nhiên, những người theo đa thần giáo, cũng như những người theo Hồn linh giáo cũng thường tin vào một vị thần chính là nguồn gốc chủ yếu của mọi sáng tạo, và với điều đó, họ bắt gặp những người theo nhất thần giáo. Đối với tất cả mọi người, thần tính nằm ngoài thế giới “thường ngày”, thần tính là thiêng liêng, tức là thần tính gọi ra lòng kính trọng rất sâu sắc. Qua những vị thần của con người, những tín tưởng được truyền bá, bằng miệng hay bằng chữ viết, bằng tất cả những câu chuyện, những thần thoại, mà toàn bộ chúng hợp thành thần thoại học. Các thần thoại này rất khác nhau, nhưng một số trong những chuyện thần thoại ấy có mặt ở nhiều tôn giáo: thần thoại về lạc viên, thần thoại về sự sáng tạo đầu tiên của loài người, thần thoại về đại hồng thủy... Trong một số tôn giáo, các tín tưởng cho rằng, Thượng Đế truyền thẳng trực tiếp đến con người; đó là những tôn giáo “thần khai”.

Một số người không tin vào sự tồn tại của Thượng Đế, cũng chẳng tin vào thần tính. Họ là những người vô thần, tức là những người không có “thần linh”. Một số người khác lại cho rằng không thể biết được nguồn gốc của vũ trụ cũng như tương lai của vũ trụ. Người ta gọi đây là những người bất khả tri, dửng dưng với tín tưởng”.

Và: “Người ta gọi là “tín đồ” những người thực hành một tôn giáo, những người thực hiện giới luật. Trong số các tín đồ, rất nhiều người khẳng định mình thuộc về một tôn giáo, tuy nhiên lại không thực hiện những điều mà tôn giáo đó đòi hỏi. Họ chỉ tín tưởng, song không thực hành. Trong thực tế, tín đồ của mọi tôn giáo thực hiện các hành động nhất định, mà như họ tự xác định, được yêu cầu từ vị thần của mình. Sự thờ cúng là sự thực hiện lòng kính trọng đối với thần linh (hay các thần linh). Sự thờ cúng bao gồm các nghi thức, tức là những cuộc lễ mang tính chất thiêng, những nghi thức đánh dấu các thời điểm khác nhau của cuộc sống hay của một năm, và những lời khẩn là lời cầu khẩn hay tạ ơn. Các nghi thức và lời khẩn có thể được sắp đặt theo những quy tắc nhất định, đây là các hội lễ. Trong phần lớn các tôn giáo, có một số người chịu trách nhiệm lí giải các bản kinh và chăm lo thật tốt sự thờ cúng. Những người này, thường là nhà tu hành đặc đạo nhất, tạo thành tập đoàn nhà tu hành. Tuy thế, cũng tồn tại các tôn giáo không có tập đoàn nhà tu

hành. Ở những tôn giáo ấy không có người trung gian giữa con người với thần linh (hay các thần linh) mà con người tin tưởng. Một số tín đồ nghĩ rằng có sự tồn tại của những lời nói hay hành động có tính huyền nhiệm, mà đi ngược lại với các lực lượng của tự nhiên, những lời nói và hành động ấy tạo ra những cái mà họ mong muốn. Người ta gọi đó là ma thuật, loại thực hành được sử dụng để đạt được việc chữa bệnh, biết rõ điềm lành, biết rõ tương lai hay biết rõ hành động xấu của kẻ thù địch... Đối với những người không tin vào ma thuật, thì các thực hành mang tính ma thuật bị coi như là một sự mê tín xằng bậy”⁽¹²⁾.

Nếu có gì đáng lưu ý thêm ở trích đoạn này thì chỉ là sự chênh lệch về cách diễn đạt nội dung khái niệm mà đôi khi giữa ngôn ngữ Phương Tây và Phương Đông không hoàn toàn trùng khớp. Cần khẳng định rằng, không có những cái quen gọi là tín ngưỡng lại có thể tồn tại một cách riêng lẻ, đơn lập mà không phụ thuộc trực tiếp hay gián tiếp vào một đời sống tâm linh nào đó, ở một tộc người nào đó.

Tình hình tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam là một bằng chứng rất sống động cho lời giải thích hiện đại vừa nêu. Việt Nam là một quốc gia đa tộc người và đa tôn giáo. Người ta có thể thấy các tôn giáo cùng tồn tại, từ những tôn giáo cổ xưa nhất mang tính bản địa, cho đến những tôn giáo lớn của thế giới và cả đến những tôn giáo chỉ hình thành mới đây. Nhìn xuyên suốt lịch sử, một mặt, các tôn giáo ở Việt Nam thường cùng nhau tồn tại, thỉnh thoảng mới có sự va đụng; mặt khác, cũng đã diễn ra quá trình các tôn giáo hòa trộn vào nhau, được chủ thể là các tộc người Việt Nam địa phương hóa, dân tộc hóa, bản địa hóa, cuối cùng là hỗn dung hóa để tạo ra một tinh thần “tôn giáo Việt Nam” không giống như các tộc người và quốc gia láng giềng hay xa hơn. Đây có thể coi là nét hăng xuyên của tôn giáo ở Việt Nam.

Nhưng cũng chính bắt nguồn từ tiến trình văn hóa và thực tiễn lịch sử Việt Nam, cho nên các tín ngưỡng tôn giáo đại chúng ở nước ta cũng có những hạn chế, trong đó có hai điểm chủ yếu sau đây: Thứ nhất, với các tín ngưỡng tôn giáo có gốc gác bản địa, hoặc vốn là một thành phần còn sót lại của một hệ thống tôn giáo đã từng tồn tại trong lịch sử (Đạo giáo, Khổng giáo), thường thể hiện ra như các hệ thống tương đối thiếu tính quy củ, vì tồn tại chủ yếu qua truyền khẩu và bị thất tán, khiếm khuyết, biến dạng qua thời gian. Thứ hai, với các tôn giáo có gốc Phương Tây, ảnh hưởng bên ngoài đang ngày một gia tăng, song lại không được thẩm định, sàng lọc trên cơ sở một bản lĩnh, một tri thức rộng rãi và sâu sắc để định hướng, nên dễ sa vào giáo điều và định kiến. Không hiếm trường hợp phô trương màu mè, vô lối xảy ra từ phía chức sắc và tín đồ các tôn giáo.

Không ít người lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để trục lợi cá nhân, coi đó như một phương tiện kiếm sống. Cũng không ít những hành vi mạo danh tôn giáo để vi phạm pháp luật và an ninh xã hội. Mặt khác, cần thấy các quá trình kinh tế, chính trị, an ninh xã hội đang chuyển đổi hiện nay cũng góp phần tạo ra sự hỗn độn trong sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo. Thực tế, tâm lí muốn san bằng một cách giả tạo sự khác biệt giàu nghèo, sự bất trắc

trong hoạt động hằng ngày và có thể cả phần lớn cuộc đời đã đầy không ít người tin vào tín ngưỡng tôn giáo như là phương tiện cứu vớt duy nhất hiệu quả, tạo ra một ảo tưởng nếu có thờ thì có thiêng, không cần biết nội dung cần phải thực hành là gì, không tự mình cải tạo nội tâm để tốt lên, hoàn thiện thêm. Hiện tại, nhiều người không hoàn toàn coi việc đi theo tôn giáo thì cần phải nghiêm túc với chính mình hơn, cần có tri thức hơn, cần nhận thức tôn giáo trên nền tảng của thành quả văn minh hiện đại của nhân loại, mà theo tôi nền văn minh ấy rất năng động và biến đổi vô cùng mau lẹ. Nhưng nền văn minh hiện đại cũng đang trình ra một khía cạnh đi ngược lại với mục tiêu của nó là chủ nghĩa tiêu thụ vật chất quá đáng, kèm theo là các giá trị đạo đức đang khủng hoảng nghiêm trọng. Tôi nghĩ rằng phải xem đó như là hệ quả tiêu cực của diễn biến của đời sống tâm linh - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cần nghiên cứu và có giải pháp. Từ đây, cũng cần nhìn nhận lại vai trò của các thể chế luật pháp và sự quản lý nhà nước trong lĩnh vực tâm linh - tôn giáo./.

CHÚ THÍCH

1. Thí dụ, khái niệm “Tôn giáo” (Religion) chẳng hạn, không có một quốc gia Phương Đông nào lại có thuật ngữ giống như nó ở Châu Âu thế kỉ XIX. Chính người Phương Tây cũng đã nhận thấy độ chênh giữa cách hiểu của họ đối với các nước Phương Đông. Bằng chứng là đã có nhiều tác giả Phương Tây đã không sử dụng từ “Tôn giáo”, mà dùng từ “Tâm linh” (Spirit) để nói về các tộc người ngoài Châu Âu.
2. “Ngưỡng” trong *Hán - Việt tự điển* của Thiều Chửu có mấy nghĩa sau:
 - Ngửa, ngửa mặt lên gọi là “ngưỡng”;
 - Kính mến, như “cửu ngưỡng đại danh” - lâu nay kính mến cái danh lớn;
 - Lờn kẻ trên sai kẻ dưới, trong từ trát nhà quan thường dùng;
 - Nhà Phật cho những kẻ kiếm ăn bằng nghề xem thiên văn là “ngưỡng khẩu thực”.
3. Muốn rõ hơn điểm này, ít nhất xin xem: Yves Lambert, *Tháp “Babel” những định nghĩa tôn giáo*, trong: Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1994), *Về tôn giáo, tập 1*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 115-163. Trong đó, tác giả, một giáo sư xã hội học tôn giáo nổi tiếng của Trường Cao học Thực hành Paris (EPHE), Sorbonne, Cộng hòa Pháp, cho rằng, các định nghĩa về “tôn giáo” khác nhau tới mức giống như tháp Babel trong Kinh Thánh của Kitô giáo.
4. Trong bài tham luận “Về mối quan hệ giữa văn hóa dân tộc và tôn giáo ngoại sinh” tại Hội thảo khoa học *Tín ngưỡng - Mê tín* do Cục Văn hóa - Thông tin Cơ sở, Bộ Văn hóa tổ chức vào tháng 10/1998 (sau đó đã in thành sách), tôi đã đề nghị không dùng thuật ngữ “Tín ngưỡng” mà thay vào đó là thuật ngữ “Tín tưởng”. Tuy nhiên, để giữ một thói quen sử dụng, tôi thỉnh thoảng vẫn dùng thuật ngữ “Tín ngưỡng” song song với thuật ngữ “Tín tưởng” trong bài này. Vì sao lại đề nghị thay đổi thuật ngữ, tôi đã có giải thích, xin không nhắc lại ở đây.
5. Xem: Émile Durkheim, *Les formes élémentaire de la vie religieuse*, http://classiques.uqac.ca/classiques/Durkheim_emile/formes_vie_religieuse/formes_elementaires_1.pdf. Ở phần IV, ông viết: “Nous arrivons donc à la définition suivante: Une religion est un système solidaire de croyances et de Pratiques relatives à des choses sacrées, c'est-à-dire séparées, interdites, croyances et pratiques qui unissent en une même communauté morale, appelée Église, tous ceux qui y adhèrent”.
6. Max Weber (1971), *Économie et société*, Plon, Paris: 429, 432.
7. Talcott Parsons (1951), *The social system*, Free Press, Glencoe: 2.
8. Karel Dobbelaere (1981), “Secularisation: a Multidimensionnel Concept”, *Current Sociology*, vol. 29: 47.
9. Roland Campiche, et al. (1992), *Croire en Suisse(s)*, L'Age d'Homme, Lausanne: 35.
10. John M. Yinger (1964), *Religion, société, personne*, Éditions du Centurion, Paris.
11. Robert N. Bellah (1976), *Beyond belief*, Harper and Row, New York: 21.
12. Xem: *Encyclopédie des Jeunes, Les Religions du Monde*, Larousse, Paris, 1995: 6-7. Trong đoạn trích dẫn trên đây có những thuật ngữ mà tôi đã đề nghị chuyển ngữ trong bài tham luận đã nói ở trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Robert N. Bellah (1976), *Beyond belief*, Harper and Row, New York.
2. Roland Campiche, et al. (1992), *Croire en Suisse(s)*, L'Age d'Homme, Lausanne.
3. Thiều Chửu (2000), *Hán - Việt tự điển*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Karel Dobbelaere (1981), "Secularisation: a Multidimensionnel Concept", *Current Sociology*, vol. 29.
5. Émile Durkheim, *Les formes élémentaire de la vie religieuse*,
http://classiques.uqac.ca/classiques/Durkheim_emile/formes_vie_religieuse/formes_elementaires_1.pdf.
6. *Encyclopédie des Jeunes, Les Religions du Monde*, Larousse, Paris, 1995.
7. Yves Lambert, *Tháp "Babel" những định nghĩa tôn giáo*, trong: Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1994), *Về tôn giáo, tập 1*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Talcott Parsons (1951), *The social system*, Free Press, Glencoe.
9. Nguyễn Quốc Tuấn, "Về mối quan hệ giữa văn hóa dân tộc và tôn giáo ngoại sinh", trong: *Tín ngưỡng - Mê tín*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1998.
10. John M. Yinger (1964), *Religion, société, personne*, Éditions du Centurion, Paris.
11. Max Weber (1971), *Économie et société*, Plon, Paris.

Summary:**REVIEWING THE CONCEPTS OF 'BELIEF' AND 'RELIGION'
FROM THE ANGLE OF RELIGIOUS STUDIES**

It is very important for us to define concept clearly in scientific studies. In recent years, in Vietnam there are two concepts of 'religion' and 'belief' and some relevant concepts which are often understood according to the Western view and methodology. That is why there are some misunderstandings on national cultural heritage including traditional religious heritage in Vietnam. This article helps us to review some main concepts related to religious belief from the angle of religious studies.

Key word: religion, religious faith, belief, religious belief, folk belief.